| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – H phúc** |

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2018
V/v ly hôn giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán*: Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Hà Bắc;

2. Ông Từ Minh Hải.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2018 giữa:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm 1975 "vắng mặt"

***Bị đơn*:** Anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T ), sinh năm 1970 "vắng mặt"

Cùng địa chỉ: Số nhà 418, Phố M, Thị Trấn N, huyện L, Bắc Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983 "vắng mặt"

Đều trú tại: Số nhà 01, đường C, Phường T, Thành Phố B (Tại văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) trình bày*: Chị kết hôn với anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) năm 1995 tại UBND xã Tiên Hưng, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ cH hòa thuận, H phúc được một thời gian dài. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ cH chị đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Hồ Đức A, sinh năm 1996 và Hồ Phương A, sinh năm 2009. Cháu Đức A đã trưởng thành, cháu Phương A hiện đang ở với chị. Chị đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, nhưng do vợ chồng chị không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Năm 2014 vợ chồng chị có vay tiền của bà Nguyễn Thị H để kinh doanh. Nay bà H khởi kiện đề nghị vợ chồng chị thanh T số tiền nợ gốc 320.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 18/11/2014 chị nhất trí, nhưng do vợ chồng chị làm ăn thua lỗ nên chị đề nghị bà H cho vợ chồng chị xin tiền lãi và được trả dần.

*Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) trình bày*: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh nhất trí.

Về nuôi con chung, tài sản và công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị H trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) vay tiền nhiều lần. Sau khi vay vợ chồng chị H, anh T (T) cũng đã thanh T cho bà nhiều lần. Đến ngày 18/11/2014 hai bên chốt nợ và thống nhất số tiền chị H, anh T còn nợ bà là 410 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 18/11/2014, thời hạn thanh T là 30 ngày kể từ ngày nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất trong giấy biên nhận vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng. Ngày 21/11/2014 chị H, anh T đã thanh T trả bà được 01 bãi cát trị giá 90 triệu đồng nên số tiền còn nợ là 320.000.000đ tiền gốc. Do cần tiền nên bà đã nhiều lần yêu cầu chị H, anh T thanh T, nhưng đến nay chị H, anh T vẫn chưa thanh T được cho bà cả tiền gốc và tiền lãi. Do vậy bà đề nghị chị H, anh T thanh T trả bà 320.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng 0,75%/tháng kể từ ngày 22/11/2014 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm thi hành án 10% trên số tiền phải thi hành.

Chị Hoàng Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, chị H, anh T (tức T) và chị H vắng mặt nên HĐXX công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm*: Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 476 BLDS 2005; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015; các Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

*Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T).

*Về tài sản:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) thanh T trả bà H số tiền gốc 320.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Chị H, anh T, phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt H lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng anh T (tức T) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND xã Tiên Hưng, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân H pháp. Quá trình chung sống vợ cH chị H, anh T hòa thuận, H phúc được một thời gian dài. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ cH đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế từ đó đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T (tức T) đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là Hồ Đức Anh, sinh năm 1996 và Hồ Phương Anh, sinh năm 2009. Cháu Đức Anh đã trưởng thành, cháu Phương Anh hiện đang ở với chị H. Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nhưng cả chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu thu thập được thì bà Nguyễn Thị H có cho vợ cH chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) vay tiền nhiều lần. Sau khi vay chị H, anh T cũng đã thanh T cho bà H nhiều lần. Đến ngày 18/11/2014 hai bên chốt nợ và thống nhất số tiền chị H, anh T còn nợ bà H là 410 triệu đồng, thời hạn thanh T là 30 ngày kể từ ngày nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất trong giấy biên nhận vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng. Ngày 21/11/2014 chị H, anh T đã thanh T trả bà H được 01 bãi cát trị giá 90 triệu đồng nên số tiền còn nợ là 320.000.000đ tiền gốc. Nay bà H yêu cầu chị H, anh T thanh T số tiền 320.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng 0,75%/tháng kể từ ngày 22/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2018 và tiếp tục tính lãi chậm thi hành án 10% /năm. Do vậy đây là tranh chấp H đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất nhưng do không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu nên cần áp dụng các Điều 471, Điều 476 BLDS 2005 để giải quyết vụ án. Buộc chị H, anh T (tức T) thanh T trả bà H 320.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 22/11/2014 đến ngày 27/3/2018 và lãi chậm thi hành án. Cụ thể: 320.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 40 tháng 05 ngày = 96.400.000 đồng, tổng số tiền cả gốc và lãi là 416.400.000 đồng. Chị H, anh T còn phải trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền phải thi hành.

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 10.410.000 đồng tiền án phi chia tài sản. Anh T phải chịu 10.410.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 476 BLDS 2005; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015; các Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T).

*Về tài sản: C*hấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) thanh T trả bà H số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi 96.400.000 đồng, tổng 416.400.000 đồng (Bốn trăm, mười sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng). Cụ thể chị H phải thanh T 208.200.000đồng (Hai trăm linh T triệu, hai trăm ngàn đồng) anh T phải thanh T 208.200.000đồng (Hai trăm linh T triệu, hai trăm ngàn đồng).

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 10.410.000 đồng tiền án phi DSST. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp

tại biên lai thu số AA/2017/0002700 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H phải nộp tiếp 10.410.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T (tức T) phải chịu 10.410.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002904 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt H lệ bản án.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS, THA huyệnL,
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N, L;
- UBND xã Tiên Hưng, L;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**

**TAND HUYỆNL**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - H phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi… giờ … phút, ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải và ông Bùi Hà Bắc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 389/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017, giữa:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm 1975.

***Bị đơn*:** Anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T ), sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số nhà 418, Phố M, Thị Trấn N, huyện L, Bắc Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Số nhà 01, đường C, Phường T, Thành Phố Bắc Giang (Tại văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017)

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng các Điều 51, 56, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 476 BLDS 2005; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015; các Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T).

Kết quả biểu quyết 3/3

*Về tài sản: C*hấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H) và anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T) thanh T trả bà H số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi 96.400.000 đồng, tổng 416.400.000 đồng (Bốn trăm, mười sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng). Cụ thể chị H phải thanh T 208.200.000đồng (Hai trăm linh T triệu, hai trăm ngàn đồng) anh T phải thanh T 208.200.000đồng (Hai trăm linh T triệu, hai trăm ngàn đồng).

Kết quả biểu quyết 3/3

Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 10.410.000 đồng tiền án phi DSST. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002700 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H phải nộp tiếp 10.410.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T (tức T) phải chịu 10.410.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002904 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt H lệ bản án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ ….. phút, ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Minh Hải Bùi Hà Bắc** **Tạ Thị Thu Thủy**

**TAND HUYỆN L**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - H phúc**

Số: …./2018/QĐ-SCBSBA

*L, ngày 18 tháng 5 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**
**SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung Bản án do lỗi soát án và đánh máy trong Bản án số 28/2018/HNGĐ- ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L.

Đã xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình về "Tranh chấp ly hôn chia tài sản" giữa:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm 1975.

***Bị đơn*:** Anh Hồ Anh T (tức Hồ Văn T ), sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số nhà 418, Phố M, Thị Trấn N, huyện L, Bắc Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Số nhà 01, đường C, Phường T, Thành Phố Bắc Giang.

**QUYẾT ĐỊNH**:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 28/2018/HNGĐ- ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L như sau:

Tại dòng thứ 05, 06 từ dưới lên, trang 01 của bản án đã ghi: "***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 "

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960"

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục Thi hành án huyện L;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**